

Lưu ý: nhập thông tin của đơn vị báo cáo
ký và ngày

Báo cáo tháng
Tên đơn vị báo cáo:
Người lập biểu
Người ký báo cáo
Chức danh người ký báo cáo
Ngày ký báo cáo

- Đây là mẫu báo cáo chung
19 có thể thêm dòng nhưng
cho việc theo dõi, quản lý, c

on vị báo cáo, báo cáo tháng, người lập biểu, người ký báo cáo, chức danh người
ký báo cáo tại SHEET này để các biểu mẫu sau tự điền thông tin

01 tháng / năm 2020

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

CỤC TRƯỞNG

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

; nên không tự ý thêm dòng, cột từ các biểu số 1 đến biểu số 5, Các biểu từ 6 đến
; không thêm cột vào trong báo cáo; nếu địa phương thêm dòng thêm cột để tiện
chỉ đạo điều hành, có thể thêm bên phía bên ngoài khu vực biểu; Không thay đổi
tên của SHEET

-

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu		Số lượng (việc)
A		I
1	Số hoãn thi hành án	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm d khoản 1	
1.4	Theo điểm đ khoản 1	
1.5	Theo điểm e khoản 1	
1.6	Theo điểm g khoản 1	
1.7	Theo khoản 2	
2	Số tạm đình chỉ thi hành án	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
3	Trường hợp khác	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4	Số đình chỉ thi hành án	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm d khoản 1	
4.4	Theo điểm đ khoản 1	
4.5	Theo điểm e khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
5	Số chưa có điều kiện thi hành	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 02/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

Theo yêu cầu thi hành án

01 tháng / năm 2020

Đơn vị báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu		Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
			Dân sự	Hình sự		Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Vụ việc cạnh tranh	Việc khác	
				Tổng số	Chia ra:									
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Tổng số thụ lý													
1	Năm trước chuyển sang													
2	Mới thụ lý													
II	Ủy thác thi hành án													
III	Cục THADS rút lên thi hành													
IV	Tổng số phải thi hành													
1	Có điều kiện thi hành													
1.1	Thi hành xong													
1.2	Đình chỉ thi hành án													
1.3	Đang thi hành													
1.4	Hoãn thi hành án													
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án													
1.6	Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại													
1.7	Trường hợp khác													
2	Chưa có điều kiện thi hành													
V	Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%	15,98%	12,81%	28,57%	#DIV/0!	28,57%	#DIV/0!	15,69%	17,28%				#DIV/0!	#DIV/0!

**THANH TỊCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU**

Chỉ tiêu		Số tương (việc)
A		1
1	Số hoãn thi hành án	3
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm c khoản 1	3
1.4	Theo điểm d khoản 1	
1.5	Theo điểm đ khoản 1	
1.6	Theo điểm e khoản 1	
1.7	Theo điểm g khoản 1	
1.8	Theo điểm h khoản 1	
1.9	Theo khoản 2	
2	Số tạm đình chỉ thi hành án	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
3	Trường hợp khác	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4	Số đình chỉ thi hành án	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm c khoản 1	
4.4	Theo điểm d khoản 1	
4.5	Theo điểm đ khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
4.7	Theo điểm h khoản 1	
5	Số chưa có điều kiện thi hành	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu		Số lượng (1.000 VN đồng)
A		1
1	Số hoãn thi hành án	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm d khoản 1	
1.4	Theo điểm đ khoản 1	
1.5	Theo điểm e khoản 1	
1.6	Theo điểm g khoản 1	
1.7	Theo khoản 2	
2	Số tạm đình chỉ thi hành án	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
3	Trường hợp khác	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4	Số đình chỉ thi hành án	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm d khoản 1	
4.4	Theo điểm đ khoản 1	
4.5	Theo điểm e khoản 2	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
5	Số chưa có điều kiện thi hành	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 04/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Theo yêu cầu thi hành án

01 tháng / năm 2020

Đơn vị báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: Tổng cục

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 VN

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:										
		Dân sự	Hình sự		Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Vụ việc cạnh tranh	
			Tổng số	Chia ra:								
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I Tổng số thụ lý												
1 Năm trước chuyển sang												
2 Mới thụ lý												
II Ủy thác thi hành án												
III Cục THADS rút lên thi hành												
IV Tổng số phải thi hành												
1 Có điều kiện thi hành												
1.1 Thi hành xong												
1.2 Đình chỉ thi hành án												
1.3 Đang thi hành												
1.4 Hoãn thi hành án												
1.5 Tạm đình chỉ thi hành án												
1.6 Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.7 Trường hợp khác												
2 Chưa có điều kiện thi hành												
V Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ)/Có điều kiện *100%	38,45%	#DIV/0!	1,80%	#DIV/0!	1,80%	#DIV/0!	100,00%	40,10%	#DIV/0!			#DIV/0!

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU
TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU**

Chỉ tiêu		Số lượng (1.000 VN đồng)
A		
1	Số hoãn thi hành án	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm c khoản 1	
1.4	Theo điểm d khoản 1	
1.5	Theo điểm đ khoản 1	
1.6	Theo điểm e khoản 1	
1.7	Theo điểm g khoản 1	
1.8	Theo điểm h khoản 1	
1.9	Theo khoản 2	
2	Số tạm đình chỉ thi hành án	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
3	Trường hợp khác	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
4	Số đình chỉ thi hành án	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm c khoản 1	
4.4	Theo điểm d khoản 1	
4.5	Theo điểm đ khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
4.7	Theo điểm h khoản 1	
5	Số chưa có điều kiện thi hành	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 05/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
Thu cho Ngân sách nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án
01 tháng / năm 2020

Đơn vị báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
 Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**
Thi hành án dân sự
 Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo đối tượng được thi hành án								
		Tổng số	Thu cho Ngân sách nhà nước						Thu cho tổ chức cơ quan, tổ chức	Thu cho cá nhân
			Án phí	Lệ phí	Phạt	Tịch thu	Truy thu	Thu khác		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I Tổng số thụ lý										
1 Năm trước chuyển sang										
2 Mới thụ lý										
II Ủy thác thi hành án										
III Cục THADS rút lên thi hành										
IV Tổng số phải thi hành										
1 Có điều kiện thi hành										
1.1 Thi hành xong										
1.2 Đình chỉ thi hành án										
1.3 Giảm thi hành án										
1.4 Đang thi hành										
1.5 Hoãn thi hành án										
1.6 Tạm đình chỉ thi hành án										
1.7 Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại										
1.8 Trường hợp khác										
2 Chưa có điều kiện thi hành										
V Tỷ lệ % = (Xong+đình chỉ + giảm)/Có điều kiện *100%										
kiểm tra 1										
kiểm tra 2										

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 06/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC
CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN**

01 tháng / năm 2020

Đơn vị báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo:

Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	CCDK chuyển sang số theo dõi riêng	Thu hồi
	Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành							Chưa có điều kiện thi hành					
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:											
								Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GOKN		Trường hợp khác				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số	3.027	2.529	498	12		3.015	1.676	303	3	1.366	3	1			1.339	2.709	18,26%	582	
I	Cục THADS tỉnh	115	106	9		115	52	7		45					63	108	13,46%	26	
1	Vũ Đức Am	22	20	2		22	14	1		13					8	21	7,14%	5	
2	Lê Ngọc Hưng	36	34	2		36	10	1		9					26	35	10,00%	9	
3	Lại Thế Anh	18	17	1		18	9			9					9	18		5	
4	Giang Công Thủy	15	13	2	-	15	6	1	-	5	-	-	-	-	9	14	16,67%	1	
5	Nguyễn T.Thanh Tâm	9	9			9	7	2		5					2	7	28,57%	1	
6	Giang Văn Minh	6	6			6	2			2					4	6		3	
7	Trương Thị Hường	9	7	2	-	9	4	2	-	2	-	-	-	-	5	7	50,00%	2	
II	Các Chi cục	2.912	2.423	489	12	2.900	1.624	296	3	1.321	3	1			1.276	2.601	18,41%	556	
1	Nho Quan	586	467	119	2	584	393	69		324					191	515	17,56%	57	
1.1	Nguyễn Văn Thắng	120	93	27		120	81	20		61					39	100	24,69%	18	
1.2	Bùi Văn Thuyết	148	115	33		148	115	15		100					33	133	13,04%	8	
1.3	Lê Thị Hải Vân	149	116	33		149	93	24		69					56	125	25,81%	16	
1.4	Nguyễn Thị Mai	169	143	26	2	167	104	10		94					63	157	9,62%	15	
2	Gia Viễn	302	259	43	1	301	168	25		143					133	276	14,88%	50	
2.1	Vũ Tiến Dũng	18	2	16		18	18	5		13						13	27,78%	0	
2.2	Nguyễn Phúc Linh	136	136			136	66	1		65					70	135	1,52%	24	
2.3	Đình Văn Tấn	148	121	27	1	147	84	19		65					63	128	22,62%	26	
3	Hoa Lư	259	209	50		259	135	36	2	97					124	221	28,15%	73	
3.1	Hoàng Xuân Hòa	161	129	32		161	91	20	2	69					70	139	24,18%	47	
3.2	Tổng Sơn Hải	98	80	18		98	44	16		28					54	82	36,36%	26	

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành										Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	CCĐK chuyển sang số theo đôi riêng	Thu hồi
	Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành							Chưa có điều kiện thi hành					
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:											
								Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GOKN		Trường hợp khác				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
4	Tp Ninh Bình	729	593	136	7	722	366	71	1	293	1				356	650	19,67%	156	
4.1	Lương Hoàng Đức	156	132	24		156	83	17		66					73	139	20,48%	27	
4.2	Vũ Thị Hoàng Yến	124	101	23		124	66	6		60					58	118	9,09%	28	
4.3	Vũ Thị Cúc Hoa	162	137	25		162	79	17		62					83	145	21,52%	45	
4.4	Nguyễn Thị Lựu	114	94	20		114	60	13		46	1				54	101	21,67%	20	
4.5	Đình Hồng Nguyên	173	129	44	7	166	78	18	1	59					88	147	24,36%	36	
5	Tp Tam Điệp	186	154	32	1	185	122	23		99					63	162	18,85%	15	
5.1	Phạm Hồng Hà	8		8	1	7	7	4		3						3	57,14%	0	
5.2	Lê Đình Tâm	99	91	8		99	60	5		55					39	94	8,33%	9	
5.3	Lê Vương Quý	79	63	16		79	55	14		41					24	65	25,45%	6	
6	Yên Mô	196	165	31	1	195	125	14		111					70	181	11,20%	33	
6.1	Phạm Xuân Tường	10	4	6	1	9	9	3		6						6	33,33%	0	
6.2	Nguyễn Mạnh Hùng	96	85	11		96	59	6		53					37	90	10,17%	16	
6.3	Phạm Thị Phụng	90	76	14		90	57	5		52					33	85	8,77%	17	
7	Yên Khánh	295	265	30		295	131	18		113					164	277	13,74%	59	
7.1	Nguyễn T.Thập Lương	4	4			4	1			1					3	4		0	
7.2	Nguyễn Ánh Ngọc	150	135	15		150	67	9		58					83	141	13,43%	31	
7.3	Phạm Tiến Dũng	141	126	15		141	63	9		54					78	132	14,29%	28	
8	Kim Sơn	359	311	48		359	184	40		141	2	1			175	319	21,74%	113	
8.1	Trần Thị Ngọt	1	1			1	1			1						1		0	
8.2	Nguyễn Tài Tuấn	189	163	26		189	98	20		77		1			91	169	20,41%	57	
8.3	Phạm Hải Sơn	169	147	22		169	85	20		63	2				84	149	23,53%	56	

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

2.709

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-

-
-
-

-
-
-
-

-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-
-

Biểu số: 07/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN
CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN VÀ CHẤP HÀNH VIÊN
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành											Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	CCDK chuyển sang số theo dõi riêng	Thu hồi
	Tổng số	Chia ra:				Tổng số phải thi hành	Có điều kiện thi hành							Tạm đình chỉ thi hành án để GQK N	Trường hợp khác						
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:													
								Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giám thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án									
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
Tổng số	499.789.962	465.958.447	33.831.515	1.492.899		498.297.063	257.240.266	4.072.895	571.633		251.562.511	16.322	1.016.905			241.056.797	493.652.535	1,81%	40.908.057		
I	Cục THADS tỉnh	109.615.700	109.355.362	260.338		109.615.700	37.962.611	196.300	253.110		37.513.201					71.653.089	109.166.290	1,18%	4.389.328		
1	Vũ Đức Am	3.626.905	3.620.205	6.700		3.626.905	468.523	1.500			467.023					3.158.382	3.625.405	0,32%	3.093.702		
2	Lê Ngọc Hưng	7.397.658	7.396.970	688		7.397.658	1.669.354	10.700			1.658.654					5.728.304	7.386.958	0,64%	647.196		
3	Lại Thế Anh	5.513.065	5.499.265	13.800		5.513.065	4.062.059	130.000			3.932.059					1.451.006	5.383.065	3,20%	437.592		
4	Giang Công Thủy	66.294.837	66.293.637	1.200	-	66.294.837	5.709.143	900	-	-	5.708.243					60.585.694	66.293.937	0,02%	11.133		
5	Nguyễn T.Thanh Tâm	19.338.902	19.101.152	237.750		19.338.902	19.232.910	3.000	253.110		18.976.800					105.992	19.082.792	1,33%	7.992		
6	Giang Văn Minh	6.764.154	6.764.154			6.764.154	6.568.438				6.568.438					195.716	6.764.154		154.627		
7	Trương Thị Hương	680.179	679.979	200	-	680.179	252.184	50.200	-	-	201.984	-	-	-	-	427.995	629.979	19,91%	37.086		
II	Các Chi cục	390.174.262	356.603.085	33.571.177	1.492.899	388.681.363	219.277.655	3.876.595	318.523		214.049.310	16.322	1.016.905			169.403.708	384.486.245	1,91%	36.518.729		
1	Nho Quan	83.913.052	83.005.642	907.410	1.092.016	82.821.036	49.951.404	287.362			49.664.042					32.869.632	82.533.674	0,58%	390.503		
1.1	Nguyễn Văn Thắng	1.833.877	1.806.477	27.400		1.833.877	1.440.106	16.050			1.424.056					393.771	1.817.827	1,11%	142.941		
1.2	Bùi Văn Thuyết	35.894.302	35.705.747	188.555		35.894.302	6.925.043	33.131			6.891.912					28.969.259	35.861.171	0,48%	51.388		
1.3	Lê Thị Hải Vân	33.510.999	33.231.399	279.600		33.510.999	31.024.490	94.147			30.930.343					2.486.509	33.416.852	0,30%	104.419		
1.4	Nguyễn Thị Mai	12.673.874	12.262.019	411.855	1.092.016	11.581.858	10.561.765	144.034			10.417.731					1.020.093	11.437.824	1,36%	91.755		
2	Gia Viễn	35.519.718	30.544.276	4.975.442	231.118	35.288.600	33.027.978	273.140			32.754.838					2.260.622	35.015.460	0,83%	445.002		
2.1	Vũ Tiến Dũng	6.202.456	5.916.596	285.860		6.202.456	6.202.456	148.140			6.054.316						6.054.316	2,39%	-		
2.2	Nguyễn Phúc Linh	10.240.209	10.236.209	4.000		10.240.209	9.510.532	13.000			9.497.532					729.677	10.227.209	0,14%	210.217		
2.3	Đình Văn Tấn	19.077.053	14.391.471	4.685.582	231.118	18.845.935	17.314.990	112.000			17.202.990					1.530.945	18.733.935	0,65%	234.785		
3	Hoa Lư	39.532.514	38.129.212	1.403.302		39.532.514	17.441.472	226.727	58.800		17.155.945					22.091.042	39.246.987	1,64%	19.567.179		
3.1	Hoàng Xuân Hòa	11.289.998	11.039.122	250.876		11.289.998	6.095.214	172.576	58.800		5.863.838					5.194.784	11.058.622	3,80%	4.647.002		
3.2	Tổng Sơn Hải	28.242.516	27.090.090	1.152.426		28.242.516	11.346.258	54.151			11.292.107					16.896.258	28.188.365	0,48%	14.920.177		
4	Tp Ninh Bình	148.737.185	123.978.110	24.759.075	159.442	148.577.743	84.383.104	2.630.177	132.547		81.620.379	1				64.194.639	145.815.019	3,27%	13.261.012		
4.1	Lương Hoàng Đức	59.496.013	47.838.699	11.657.314		59.496.013	31.868.810	252.888			31.615.922					27.627.203	59.243.125	0,79%	9.928.687		
4.2	Vũ Thị Hoàng Yến	13.682.573	11.109.768	2.572.805		13.682.573	7.496.214	809.001			6.687.213					6.186.359	12.873.572	10,79%	1.132.799		

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số phải thi hành											Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ (xong + đình chỉ)/ Có điều kiện	CCDK chuyển sang số theo dõi riêng	Thu hồi							
	Tổng số	Chia ra:				Có điều kiện thi hành																						
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý			Tổng số phải thi hành	Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:								Thi hành xong						Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác
								Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Giảm thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác													
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20								
4.3	Vũ Thị Cúc Hoa	26.084.240	21.776.741	4.307.499		26.084.240	23.888.221	195.541			23.692.680					2.196.019	25.888.699	0,82%	902.239									
4.4	Nguyễn Thị Lưu	17.218.001	12.717.376	4.500.625		17.218.001	15.445.212	732.472	132.546		14.580.193	1				1.772.789	16.352.983	5,60%	200.008									
4.5	Đình Hồng Nguyễn	32.256.358	30.535.526	1.720.832	159.442	32.096.916	5.684.647	640.275	1		5.044.371					26.412.269	31.456.640	11,26%	1.097.279									
5	Tp Tam Điệp	16.178.215	15.898.240	279.975	200	16.178.015	7.521.024	57.764	110.557		7.352.703					8.656.991	16.009.694	2,24%	136.352	-								
5.1	Phạm Hồng Hà	1.609		1.609	200	1.409	1.409	709			700						700	50,32%	0									
5.2	Lê Đình Tâm	3.563.304	3.357.684	205.620		3.563.304	2.087.899	13.009	110.557		1.964.333					1.475.405	3.439.738	5,92%	102.562									
5.3	Lê Vương Quý	12.613.302	12.540.556	72.746		12.613.302	5.431.716	44.046			5.387.670					7.181.586	12.569.256	0,81%	33.790									
6	Yên Mô	7.642.777	7.215.788	426.989	8.200	7.634.577	3.252.325	89.693			3.162.632					4.382.252	7.544.884	2,76%	258.531	-								
6.1	Phạm Xuân Tường	117.183	58.382	58.801	8.200	108.983	108.983	35.001			73.982						73.982	32,12%	0									
6.2	Nguyễn Mạnh Hùng	2.258.140	2.222.541	35.599		2.258.140	1.899.710	31.900			1.867.810					358.430	2.226.240	1,68%	108.432									
6.3	Phạm Thị Phương	5.267.454	4.934.865	332.589		5.267.454	1.243.632	22.792			1.220.840					4.023.822	5.244.662	1,83%	150.099									
7	Yên Khánh	27.447.601	26.911.531	536.070		27.447.601	3.726.748	149.456	16.619		3.560.673					23.720.853	27.281.526	4,46%	751.515	-								
7.1	Nguyễn T.Thập Lương	16.774.032	16.774.032			16.774.032	5.970				5.970					16.768.062	16.774.032		0									
7.2	Nguyễn Ánh Ngọc	4.585.830	4.185.160	400.670		4.585.830	2.621.494	40.700			2.580.794					1.964.336	4.545.130	1,55%	512.849									
7.3	Phạm Tiến Dũng	6.087.739	5.952.339	135.400		6.087.739	1.099.284	108.756	16.619		973.909					4.988.455	5.962.364	11,41%	238.666									
8	Kim Sơn	31.203.200	30.920.286	282.914	1.923	31.201.277	19.973.600	162.276			18.778.098	16.321	1.016.905			11.227.677	31.039.001	0,81%	1.708.635									
8.1	Trần Thị Ngọt	15.398.584	15.398.584			15.398.584	15.398.584				15.398.584						15.398.584		0									
8.2	Nguyễn Tài Tuấn	11.364.155	11.202.649	161.506		11.364.155	3.246.283	52.706			2.176.672		1.016.905			8.117.872	11.311.449	1,62%	830.867									
8.3	Phạm Hải Sơn	4.440.461	4.319.053	121.408	1.923	4.438.538	1.328.733	109.570			1.202.842	16.321				3.109.805	4.328.968	8,25%	877.768									

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

TRUE

Biểu số: 08/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:/...../.....

**SỐ VIỆC ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN XÉT MIỄN, GIẢM VÀ KẾT QUẢ
 XÉT MIỄN, GIẢM NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
 01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
 Đơn vị nhận báo: **Tổng cục
 Thi hành án dân sự**
 Đơn vị tính: *Việc và 1.000 đồng*

Tên đơn vị	Tổng số việc và số tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự				Chia ra:							
					Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn nghĩa vụ thi hành án dân sự				Số việc và tiền đã đề nghị Tòa án xét giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự			
	Tổng số đã đề nghị xét miễn, giảm		Tổng số đã xét miễn, giảm		Số đã đề nghị xét miễn		Số đã xét miễn		Số đã đề nghị giảm		Số đã giảm	
	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Tổng số												
I												
II												
2	Nho Quan											
3	Gia Viễn											
4	Hoa Lư											
5	thành phố Ninh Bình											
6	thành phố Tam Điệp											
7	Yên Mô											
8	Yên Khánh											
9	Kim Sơn											

NGƯỜI LẬP

CỤC TRƯỞNG

Lê Đình Tâm

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 08/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 201513

Ngày nhận báo cáo

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH TOÀ ÁN TUYÊN
KHÔNG RÕ, CÓ SAI SÓT, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN ĐÃ YÊU CẦU GIẢI
THÍCH, KIẾN NGHỊ VÀ KẾT QUẢ TRẢ LỜI CỦA TÒA ÁN CÓ THẨM
QUYỀN**

01 tháng / năm 2020

Đơn vị gửi báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính Việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị	Số việc, tiền trong bản án, quyết định tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã có văn bản yêu cầu đính chính, giải thích và kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền								Số việc, tiền cơ quan thi hành án kiến nghị cơ quan có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền					
	Số việc				Số tiền				Số việc			Số tiền		
	Tổng số việc đã đề nghị đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số tiền đã đề nghị đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền			Tổng số	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền		Số tiền trong các bản án, quyết định có căn cứ giám đốc thẩm, tái thẩm	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền	
		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã trả lời	Số trả lời chưa rõ	Số chưa trả lời		Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị		Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Tổng số														
I	Cục Thi hành án DS													
II	Các Chi cục THADS													
1	Nho Quan													
2	Gia Viễn													
3	Hoa Lư													
4	thành phố Ninh Bình													
5	thành phố Tam Điệp													
6	Yên Mô													
7	Yên Khánh													
8	Kim Sơn													

(Hoa Lư: tính 1 đồng)

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 10/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 201513
Ngày nhận báo cáo

**SỐ VIỆC CƯỠNG CHẾ THI HÀNH ÁN KHÔNG HUY ĐỘNG LỰC
LƯỢNG VÀ CÓ HUY ĐỘNG LỰC LƯỢNG
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
Đơn vị nhận báo: **Tổng cục
Thi hành án dân sự**
Đơn vị tính: *Việc*

Tên đơn vị	Tổng số việc đã ra quyết định cưỡng chế	Số việc đã ra quyết định cưỡng chế						Kết quả cưỡng chế			
		Số việc cưỡng chế không huy động lực lượng	Số việc cưỡng chế có huy động lực lượng				Số việc đương sự tự nguyện thi hành trước khi cưỡng chế	Số việc cưỡng chế thành công	Số việc cưỡng chế không thành công		
			Tổng số việc cưỡng chế có huy động lực lượng	Số việc huy động lực lượng dưới 10 người	Số việc huy động lực lượng từ 10 đến dưới 20 người	Số việc huy động lực lượng từ 20 đến dưới 50 người				Số việc huy động lực lượng từ 50 người trở lên	
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	
Tổng số											
I	Cục Thi hành án DS										
II	Các Chi cục THADS										
1	Nho Quan										
2	Gia Viễn										
3	Hoa Lư										
4	thành phố Ninh Bình										
5	thành phố Tam Điệp										
6	Yên Mô	-	-								
7	Yên Khánh	-	-								
8	Kim Sơn										

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 11/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:/...../.....

**KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI TRONG THI
HÀNH ÁN DÂN SỰ
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục THADS**

Đơn vị tính: *Việc, đơn*

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận (Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)						
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết													
	Chia ra:						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS			Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác										
				Tổng số	Số năm trước chuyển sang		Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số khiếu nại hành vi và quyết định của Chấp hành viên		Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết						
Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Số khiếu nại hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA		Số chuyên cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số chuyên cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết				Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết										
Tổng số		Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Tổng số	Số khiếu nại hành vi và quyết định của Chấp hành viên	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số	Số chuyên cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số chuyên cơ quan THA cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Tổng số	Số đình chỉ	Số khiếu nại đúng toàn bộ	Số khiếu nại đúng một phần	Số khiếu nại sai toàn bộ	Số chưa giải quyết chuyển kỳ sau	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
v																				
I	Cục Thi hành án DS																			
II	Các Chi cục THADS																			
1	Nho Quan																			
2	Gia Viễn																			
3	Hoa Lư																			
4	tp Ninh Bình																			
5	tp Tam Điệp																			
6	Yên Mô																			
7	Yên Khánh																			
8	Kim Sơn																			

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 12/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**TỜ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỜ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN
 DÂN SỰ
 01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
 Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục THADS**
 Đơn vị tính: việc và đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)			Số việc tiếp nhận (Việc)										Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)					
				Chia theo thời điểm thụ lý			Chia theo thẩm quyền giải quyết							Tổng số	Chia ra:				
	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Số đình chỉ	Số tố cáo đúng toàn bộ	Số tố cáo đúng một phần		Số tố cáo sai toàn bộ	Số tố cáo chưa giải quyết chuyển kỳ sau			
				Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết													
Tổng số đơn tiếp nhận	Số đơn năm trước chuyển sang	Số đơn mới nhận	Tổng số việc				Số việc năm trước chuyển sang	Số việc mới nhận	Tổng số việc	Số việc tố cáo hành vi và quyết định của CHV	Số tố cáo hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA	Tổng số việc	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan Thi hành án cấp dưới trực tiếp giải quyết	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Tổng số		0																	
I	Cục Thi hành án DS																		
II	Các Chi cục THADS																		
1	Nho Quan																		
2	Gia Viễn																		
3	Hoa Lư																		
4	tp Ninh Bình																		
5	tp Tam Điệp																		
6	Yên Mô																		
7	Yên Khánh																		
8	Kim Sơn																		

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 13/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015/13

Ngày nhận báo cáo

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ VÀ CƠ CẤU
CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: *Người*

Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Số biên chế đã thực hiện																Số biên chế chưa thực hiện
		Tổng số	Chia ra:															
			Chấp hành viên trong đó:			Thẩm tra viên trong đó:			Thư ký THA trong đó:		Chuyên viên trong đó:			Cán sự và tương đương	Kế toán	Thống kê viên	Công chức khác	
Cao cấp	Trung cấp	Sơ cấp	TTr VCC	TTrV C	TTr viên	Trung cấp	Thư ký	CV CC	CVC	CV								
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số																		
I	Cục Thi hành án DS																	
II	Các Chi cục THADS																	
1	Nho Quan																	
2	Gia Viễn																	
3	Hoa Lư																	
4	tp Ninh Bình																	
5	tp Tam Điệp																	
6	Yên Mô																	
7	Yên Khánh																	
8	Kim Sơn																	

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 14/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015

**TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC
CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục
Thi hành án dân sự**

Ngày nhận báo cáo:/...../.....

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn							Chia theo số được đào tạo, bồi dưỡng về nghề, chính trị, quản lý nhà nước									
		Chia ra:							Quản lý NN trong đó:			Chính trị trong đó:			Chấp hành viên	Thẩm tra viên	Thư ký	Khác
		Số công chức trên đại học		Số công chức đại học		Số công chức trung cấp		Số công chức khác										
		Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác		CC	CVC	CV	CC	TC	SC				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng cộng																		
I	Cục Thi hành án DS																	
II	Các Chi cục THADS																	
1	Nho Quan																	
2	Gia Viễn																	
3	Hoa Lư																	
4	tp Ninh Bình																	
5	tp Tam Điệp																	
6	Yên Mô																	
7	Yên Khánh																	
8	Kim Sơn																	

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 15/TK-THA
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo

**SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT
LUẬN GIÁM SÁT**
01 tháng / năm 2020

Đơn vị gửi báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**
Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Cuộc giám sát

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát				Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát		
		Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ Quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số										
I	Cục Thi hành án dân sự									
II	Các Chi cục THADS									
1	Nho Quan									
2	Gia Viễn									
3	Hoa Lư									
4	thành phố Ninh Bình									
5	thành phố Tam Điệp									
6	Yên Mô									
7	Yên Khánh									
8	Kim Sơn									

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 16/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

SỐ CUỘC KIỂM SÁT VÀ KẾT QUẢ KIỂM SÁT
01 tháng / năm 2020

Đơn vị gửi báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: Cuộc

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan kiểm sát				Chia theo kết quả kiểm sát					
		Chia ra:				Tổng số	Chia ra:				
		Viện KSND tối cao	Viện KSND cấp cao	Viện KSND cấp huyện	Viện KSND cấp tỉnh		Số kháng nghị đúng được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị không đúng không được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị có đúng và không đúng được cơ quan THA chấp nhận một phần	Số không có kháng nghị	Số có văn bản kiến nghị
A	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
Tổng số											
I	Cục Thi hành án DS										
II	Các Chi cục THADS										
1	Nho Quan										
2	Gia Viễn										
3	Hoa Lư										
4	thành phố Ninh Bình										
5	thành phố Tam Điệp										
6	Yên Mô										
7	Yên Khánh										
8	Kim Sơn										

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

CỤC TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 17/TK-THA

Ba Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
ng ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH
KHÁNG NGHỊ VÀ KẾT QUẢ XỬ LÝ KHÁNG NGHỊ
CỦA TOÀ ÁN VÀ VIỆN KIỂM SÁT
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình
Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục
Thi hành án dân sự**

Đơn vị tính: việc và 1.000 đồng

Tên đơn vị	Tổng số		Chia ra:															
	Số việc bị kháng nghị	Số tiền bị kháng nghị	Số việc và số tiền do Tòa án kháng nghị									Số việc và số tiền do Viện kiểm sát kháng nghị						
			Số việc và số tiền bị kháng nghị		Số việc và số tiền bị kháng nghị đã được giải quyết						Số việc và số tiền bị kháng nghị		Số việc và số tiền bị kháng nghị đã được giải quyết					
			Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận		Số việc	Số tiền	Chấp nhận toàn bộ		Chấp nhận một phần		Không chấp nhận	
Số việc	Số tiền	Số việc			Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc			Số tiền	Số việc	Số tiền			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Tổng số																		
I	Cục Thi hành án DS																	
II	Các Chi cục THADS																	
1	Nho Quan																	
2	Gia Viễn																	
3	Hoa Lư																	
4	thành phố Ninh Bình																	
5	thành phố Tam Điệp																	
6	Yên Mô																	
7	Yên Khánh																	
8	Kim Sơn																	

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 18/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG CỦA NHÀ NƯỚC
TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
01 tháng / năm 2020**

Đơn vị gửi báo cáo:

Cục THADS tỉnh Ninh Bình

Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**

Thi hành án dân sự

Đơn vị tính: *Việc và 1.000 đồng*

Tên đơn vị	Số việc và số tiền bồi thường của nhà nước trong THADS được thụ lý						Kết quả giải quyết				
	Tổng số		Chia ra:				Số việc, số tiền đã xét bồi thường		Số việc, số tiền chưa xét bồi thường		
			Số năm trước chuyển sang		Số thụ lý mới						
	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số											
I	Cục Thi hành án DS										
II	Các Chi cục THADS										
1	Nho Quan										
2	Gia Viễn										
3	Hoa Lư										
4	thành phố Ninh Bình										
5	thành phố Tam Điệp										
6	Yên Mô										
7	Yên Khánh										
8	Kim Sơn										

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019

CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy

Biểu số: 19/TK-THA
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP
 ngày 26 tháng 6 năm 2015
 Ngày nhận báo cáo:.....

SỐ VIỆC ĐƠN ĐỐC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH

01 tháng / năm 2020

Đơn vị báo cáo:
Cục THADS tỉnh Ninh Bình
 Đơn vị nhận báo cáo: **Tổng cục**
Thi hành án dân sự
 Đơn vị tính: *Việc*

Tên đơn vị	Số việc phải đơn đốc thi hành án hành chính đã nhận			Kết quả đơn đốc thi hành án hành chính			Số văn bản thông báo kết quả thi hành án nhận được	
	Tổng số	Chia ra:		Tổng số	Chia ra:			
		Số việc năm trước chuyển sang	Số việc mới thụ lý		Số việc thi hành xong	Số việc chưa thi hành xong		Số việc chưa có văn bản đơn đốc
<i>A</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
Tổng Số								
I	Cục Thi hành án dân sự							
II	Các Chi cục THADS							
1	Nho Quan							
2	Gia Viễn							
3	Hoa Lư							
4	thành phố Ninh Bình							
5	thành phố Tam Điệp							
6	Yên Mô							
7	Yên Khánh							
8	Kim Sơn							

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Ninh Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2019
CỤC TRƯỞNG

Phạm Xuân Túy